

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Nói 1

2. Mã học phần: TQUOC124

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Sinh viên Đại học năm thứ 1 (kỳ 1)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|-------------------------|---------------|--------------------------|
| 1 | ThS. Nguyễn Thị Hoa | 0988.900.158 | nguyenhoa11180@gmail.com |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Lan | 0914.772.563 | lannguyen178@gmail.com |
| 3 | ThS. Bùi Thị Trang | 0978.693.593 | trangbui175@gmail.com |
| 4 | ThS. Nguyễn Thị Xuyên | 0988.964.751 | ruanshichuan89@gmail.com |

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 14 bài, mỗi bài đều có kết cấu ba phần: Hội thoại, từ mới và bài tập. Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới theo từng chủ điểm cụ thể: Làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nói theo chủ đề tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|----------|--|----------------------------|--------------------------------------|
| MT1 | Kiến thức | | |
| MT1.1 | Liệt kê được các từ mới, và các cấu trúc câu diễn tả về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như làm quen, | 1 | [1.2.1.2.a] |

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
| | giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... | | |
| MT1.2 | Phát âm và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày. | 3 | [1.2.1.2.a] |
| MT1.3 | Vận dụng đúng các câu trong hội thoại giao tiếp hàng ngày được học trong chương trình. | 3 | [1.2.1.2.a] |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| MT2.1 | Nghe hiểu các đoạn hội thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... | 3 | [1.2.2.1] |
| MT2.2 | Hội thoại, độc thoại được trong chủ đề giao tiếp trên. | 3 | [1.2.2.1] |
| MT3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| MT3.1 | Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội | 3 | [1.3.1] |
| MT3.2 | Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công. | 3 | [1.3.1] |

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CĐR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| CĐR1 | Kiến thức | | |
| | Vận dụng được các kiến thức đã học trong giao tiếp hàng ngày như: Làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... | 3 | [2.1.4] [2.1.5] |
| CĐR2 | Kỹ năng | | |
| | Giao tiếp bằng tiếng Trung liên quan đến các chủ đề đã học như: Làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... | 3 | [2.2.1] [2.2.4] |
| CĐR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CĐR3.1 | Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công. | 3 | [2.3.1] |
| CĐR3.2 | Tuân thủ theo văn hoá giao tiếp của người nói tiếng Trung Quốc trong thực hành kỹ năng nói và biết gìn giữ văn hoá giao tiếp của Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc. | 3 | [2.3.1] |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

| Chương | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | |
|---------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------|----------------|----------------|
| | | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | |
| | | | | CĐR 3.1 | CĐR 3.2 |
| 1 | 第一课：你好 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 2 | 第二课：我是老师 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 3 | 第三课：你家有几口人 一、对话 | x | x | x | x |

| | | | | | |
|----|------------------------------------|---|---|---|---|
| | 二、生词 三、练习 | | | | |
| 4 | 第四课：现在几点 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 5 | 第五课：今天几月几号 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 6 | 第六课：我要饺子 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 7 | 第七课：买东西 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 8 | 第八课：打电话 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 9 | 第九课：你住哪儿 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 10 | 第十课：爱好 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 11 | 第十一课：书店 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 12 | 第十二课：在银行 一、对话 二、生词 | x | x | x | x |

| | | | | | |
|----|----------------------------------|---|---|---|---|
| | 三、练习 | | | | |
| 13 | 第十三课：在邮局 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |
| 14 | 第十四课：在医院 一、对话 二、生词 三、练习 | x | x | x | x |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi |
|--------------|---|
| CĐR1 | Bài thực hành nói trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên |
| CĐR2 | Bài tập thực hành hội thoại trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần |
| CĐR3 | Hoàn thành các bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần |

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|----|---|--------------------|----------|---------|
| 1. | - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. | 1 điểm | 10% | |
| | - Hoàn thành các bài tập được giao. | 1 điểm | 10% | |
| 2. | Điểm kiểm tra giữa học phần | Hình thức: Vấn đáp | 30% | |
| 3. | Thi kết thúc học phần | Hình thức: Vấn đáp | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi: Giới thiệu bản thân và hội thoại theo cặp hoặc nói theo chủ đề.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo dưới hình thức vấn đáp. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi.

- Điểm chấm được đánh giá: 10đ theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, đặt câu với từ vựng đó, hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại; chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

14. Tài liệu học tập:

*** Tài liệu bắt buộc:**

[1] Trường Đại học Sao Đỏ, *Giáo trình Nói 1*, 2020

*** Tài liệu tham khảo**

[2] Cẩm Tú, Mai Hân, *Đàm thoại tiếng Hoa trong mọi tình huống*, Nhà xuất bản trẻ, 2005

WEBSITE:

<http://www.dantiengtrung.com>

<http://tienghoa.net>

15. Nội dung chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV |
|------|---|-----------|--------------------|--|
| 1 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一课：你好</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 1 – 4 tài liệu [1] Trang 34 – 40 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 5 - Tài liệu [1]</p> |
| 2 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 6 – 11 tài liệu [1] Trang 1 – 4 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 11,12 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|---|--|---|------------|---|
| | <p>第二课: 我是老师</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | | | |
| 3 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第三课: 你家有几口人</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 13 – 17 tài liệu [1] Trang 78 – 82 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 17, 18 - Tài liệu [1]</p> |
| 4 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 19 – 23 tài liệu [1] Trang 91 – 97 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 23, 24 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|---|---|---|------------|---|
| | <p>第四课：现在几点</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | | | |
| 5 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第五课：今天几月几号</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 25– 30 tài liệu [1] Trang 100 – 105 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 30,31 - Tài liệu [1]</p> |
| 6 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 32 – 36 tài liệu [1] Trang 126 – 131 tài liệu [2]:</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 36, 37 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|---|--|------|------------|--|
| | <p>第六课：我要饺子</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | | | |
| 7 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第七课：买东西</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 38 – 43 tài liệu [1] Trang 85 – 89 tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 44, 45 - Tài liệu [1]</p> |
| 8 | 期中考试 | 2 KT | [1] [2] | Sinh viên ôn tập các nội dung theo đề cương ôn tập giữa kỳ. |
| 9 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 108 – 112, 122 – 125 tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 tr 50-52, 60-62 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| | <p>bài khóa ra tiếng Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第八课：打电话</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | | | |
| 10 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第九课：你住哪儿</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 63 – 67 tài liệu [1] Trang 140 – 143 tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 68, 69 - Tài liệu [1]</p> |
| 11 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc:</p> <p>Trang 70– 75 tài liệu [1] Trang 244 – 248 tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 75-77 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|----|--|---|------------|--|
| | <p>bài khóa ra tiếng Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể: 第十课：爱好 一、对话 二、生词 三、练习</p> | | | |
| 12 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể: 第十一课：书店 一、对话 二、生词 三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 78 – 83 tài liệu [1] - Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 84, 85 - Tài liệu [1]</p> |
| 13 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 86 – 92 tài liệu [1] Trang 151 – 155 tài liệu [2]: - Hoàn thành: Bài tập 3,4 trang 92, 93 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|----|---|---|------------|--|
| | <p>bài khóa ra tiếng Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第十二课：在银行</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | | | |
| 14 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第十三课：在邮局</p> <p>一、对话</p> <p>二、生词</p> <p>三、练习</p> | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 94 – 99 tài liệu [1] Trang 145 – 148 tài liệu [2] - Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 99, 100 - Tài liệu [1]</p> |
| 15 | <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng phiên âm các từ vựng và bài khóa. - Hiểu nghĩa và viết được các từ vựng trong bài - Đặt được câu với các từ vựng - Đọc và dịch được nội dung | 2 | [1] [2] | <p>- Đọc: Trang 101 – 106 tài liệu [1] Trang 188 – 193 tài liệu [2]: - Hoàn thành: Bài tập 3, 4 trang 106,107 - Tài liệu [1]</p> |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | bài khóa ra tiếng Việt - Mô phỏng theo nội dung bài khóa Nội dung cụ thể: 第十四课：在医院 一、对话 二、生词 三、练习 | | | |
|--|--|--|--|--|

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phí Đăng Tuệ

TRƯỞNG KHOA

Hoàng Đức Đoàn

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên